

## TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

Để chuẩn bị cho kỳ họp thứ 7 (Kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021-2026, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình (gọi tắt là Nghị quyết) như sau:

### I. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông (gọi tắt là Thông tư 69/2021/TT-BTC). Theo đó Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực bị bãi bỏ.

Tại Khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định: “Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương”; đồng thời, tại khoản 4 Điều 9 Thông tư 69/2021/TT-BTC quy định: “Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương” và hướng dẫn tại Công văn số 4843/BTC-HCSN ngày 27/5/2022 của Bộ Tài chính về việc thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính.

Để kịp thời tổ chức triển khai Thông tư số 69/2021/TT-BTC tại địa phương bảo đảm đúng quy định của pháp luật, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình là cần thiết và đúng thẩm quyền.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng Nghị quyết**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục, các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và những người tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh; tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thi có căn cứ xây dựng dự toán chi thực hiện công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh. Góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn, giáo dục đại trà.

Đảm bảo tính công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định.

### **2. Quan điểm xây dựng nghị quyết**

Chỉ ban hành các nội dung được quy định tại Khoản 13 Điều 8 và Khoản 4 Điều 9 của Thông tư số 69/2021/TT-BTC;

Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với nhiệm vụ chuyên môn theo quy định và khả năng ngân sách của địa phương;

Chính sách quy định tại Nghị quyết đảm bảo yêu cầu, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC và tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

## **III. Quá trình xây dựng Nghị quyết**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND tỉnh đã giao Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị soạn thảo, thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đơn vị soạn thảo đã tổ chức thu thập thông tin, lấy ý kiến trong toàn ngành, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị trực thuộc về các nội dung của Dự thảo nghị quyết; đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến.

## **IV. Bố cục và các nội dung cơ bản của Nghị quyết**

### **1. Bố cục của Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 điều, trong đó:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Quy định nội dung, mức chi

Điều 3. Nguồn kinh phí

## Điều 4. Tổ chức thực hiện

### 2. Các nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hoá; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình).

### 3. Về kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện Nghị quyết lấy từ ngân sách nhà nước (nguồn sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề) theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Theo đó ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do cấp tỉnh chủ trì thực hiện; ngân sách huyện, thị xã, thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do huyện, thị xã, thành phố chủ trì thực hiện; ngân sách được giao trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ sở giáo dục để thực hiện các nhiệm vụ thi do các cơ sở giáo dục chủ trì thực hiện. Ngoài ra huy động từ nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hoá, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Khi Nghị quyết được ban hành thì ngân sách Nhà nước cấp tỉnh cần bố trí tăng so với trước đây từ 3,5 tỷ đồng đến 3,7 tỷ đồng để thực hiện các nhiệm vụ thi và tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình.

### V. Những vấn đề khác: Không

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình, kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua./.

*(Gửi kèm theo dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan).*

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: GDĐT, TC, TP;
- VP HĐND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NCVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ An Phong



**THUYẾT MINH NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình số 159/TTTr-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh)*

Mức lương theo ngày quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC được áp dụng 1,3 lần đối với chuyên gia tư vấn trong nước (CGTV) theo Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước (gọi tắt là Thông tư 02), gồm:

- Mức 1: 40.000.000 đồng \* 1,3: 26 = 2.000.000 đồng/ngày;
- Mức 2: 30.000.000 đồng \* 1,3: 26 = 1.500.000 đồng/ngày;
- Mức 3: 20.000.000 đồng \* 1,3: 26 = 1.000.000 đồng/ngày;
- Mức 4: 15.000.000 đồng \* 1,3: 26 = 750.000 đồng/ngày.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 02 thì mức lương của chuyên gia tư vấn là mức tối đa, đã bao gồm tiền lương của những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, ngày nghỉ làm việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động.

Căn cứ vào mức lương CGTV theo các mức 1, 2, 3, 4; trên cơ sở quy định mức chi trước đây (theo Thông tư 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT và Quyết định số 1413/QĐ-UBND ngày 20/6/2012), so sánh mặt bằng chung của một số tỉnh đã ban hành Nghị quyết và khả năng cân đối nguồn ngân sách, cơ quan soạn thảo đề xuất mức chi từ 24% - 42% mức lương theo ngày của CGTV; mức chi tăng từ 1,5 đến 1,7 lần so với mức chi trước đây, vẫn có một vài trường hợp cá biệt cần áp dụng mức chi phù hợp với thực tế, tăng thêm từ 80% đến 150% so với mức chi trước đây (*chi tiết có Biểu số 01 và Biểu số 02 kèm theo*).

Có một số kỳ thi trong các kỳ thi trên do cấp Trung ương tổ chức và một số kỳ thi do địa phương tổ chức (cấp tỉnh, cấp huyện) thực hiện, do đó cần xác định mức chi phù hợp đối với quy mô, tính chất mỗi kỳ thi.

Tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC nội dung chi cho công tác thanh tra để thực hiện nhiệm vụ thi áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, theo đó cán bộ thanh tra chỉ được hưởng chế độ phụ cấp lưu trú, tiền chi phí đi lại, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác, trong khi thời gian làm việc của cán bộ thanh tra cũng tương tự như các chức danh khác của hội đồng/ban, trong khi đó những các chức danh khác vẫn được hưởng tiền công theo quy định (ngoài tiền công tác phí). Trong khi đó cán bộ thanh tra cũng là nhà giáo được điều động để tham gia công tác thanh tra. Do đó, cần phải quy định chi cho công tác thanh tra nhằm đảm bảo bình đẳng trong giữ những người làm công tác thi. Ngoài ra, tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định "*Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù*

hợp". Vì vậy, nội dung chi cho công tác thanh tra, kiểm tra thi này được đơn vị soạn thảo căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4843/BTC-HCSN ngày 27/5/2022 về việc thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính và áp dụng Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC "Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương" để xây dựng nội dung, mức chi cho một số nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra có tính chất công việc đặc thù, làm việc tập trung tương tự như cán bộ ra đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, làm phách, xét tốt nghiệp, gồm: Thanh tra ra đề thi/in sao đề thi/Làm phách bài thi; Thanh tra coi thi; Thanh tra chấm thi/phúc khảo/thẩm định và Thanh tra xét tốt nghiệp THPT. Các nội dung thanh tra khác vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Ngoài ra, có một số nhiệm vụ thi không được quy định rõ tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC, do đó cần xây dựng mức chi cho một số nhiệm vụ này (xét tốt nghiệp trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên trung học phổ thông; xét tuyển sinh đầu cấp lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 giáo dục thường xuyên trung học phổ thông).

Trên cơ sở mức lương theo ngày ở trên để xây dựng quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình, như sau:

**A. Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hoá; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia). Mức tối đa do cấp tỉnh chủ trì thực hiện, như sau: (Chi tiết cụ thể tại Biểu số 01)**

**A.1. Các nội dung chi áp dụng theo Khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC**

I. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

1. Đối với mỗi thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi

- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban ra đề thi: 600.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1. Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban in sao đề thi: 550.000 đồng/ngày, áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1

- Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban ra đề thi: 500.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2. Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban in sao đề thi: 480.000 đồng/ngày, áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2

- Ủy viên, thư ký: 420.000 đồng/ngày, áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày): 350.000 đồng/ngày, áp dụng 46% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

- Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày) 250.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

- Phục vụ (bao gồm nhân viên y tế): 180.000 đồng/ngày, áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

## 2. Đối với mỗi thành viên Ban Chỉ đạo thi

- Trưởng ban: 600.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó Trưởng ban Thường trực: 550.000 đồng/ngày, áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó Trưởng ban: 500.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

Ủy viên (thực hiện chỉ đạo thi theo lĩnh vực phụ trách), Thư ký: 420.000 đồng/ngày, áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

Ủy viên (Tổ trưởng/Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo): 300.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

Ủy viên (Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo), nhân viên phục vụ: 180.000 đồng/ngày, áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

## 3. Đối với mỗi thành viên Hội đồng thi

- Chủ tịch Hội đồng: 600.000 đồng/ngày, áp dụng mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó Chủ tịch: 500.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Ủy viên: 420.000 đồng/ngày, áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

4. Thành viên các Ban coi thi, Ban Thư ký Hội đồng thi, Ban Vận chuyển đề thi, Hội đồng/Ban chấm thi (Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi).

- Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban: 550.000 đồng/ngày, áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực: 520.000 đồng/ngày, áp dụng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban: 480.000 đồng/ngày, áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, tổ trưởng: 420.000 đồng/ngày, áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Công an bảo vệ: 250.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

- Nhân viên phục vụ (bao gồm nhân viên y tế): 180.000 đồng/ngày, áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

#### 5. Đối với mỗi thành viên Ban/Tổ làm phách

- Trưởng ban/Tổ trưởng: 550.000 đồng/ngày, áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

- Phó Trưởng ban/Tổ phó: 480.000 đồng/ngày, áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Ủy viên, thư ký: 420.000 đồng/ngày, áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày): 350.000 đồng/ngày, áp dụng 46% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

- Công an bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày): 250.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

- Nhân viên phục vụ (bao gồm nhân viên y tế): 180.000 đồng/ngày, áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

#### 6. Đối với mỗi thành viên Hội đồng coi thi (Điểm thi)

- Chủ tịch Hội đồng (Trưởng điểm thi): 420.000 đồng/ngày, áp dụng 28% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng: 400.000 đồng/ngày, áp dụng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Phó chủ tịch Hội đồng (Phó trưởng điểm thi): 380.000 đồng/ngày, áp dụng 38% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Thư ký: 350.000 đồng/ngày, áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Ủy viên (giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát): 320.000 đồng/ngày, áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Công an bảo vệ (24 giờ/ngày): 250.000 đồng/ngày, áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

- Ủy viên (bảo vệ, phục vụ): 180.000 đồng/ngày, áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

II. Mức tiền công ra đề thi cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

#### 1. Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi

- Chủ trì: 450.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Các thành viên: 300.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

2. Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận: Áp dụng 50% mức tối đa theo thông tư 69/2021/TT-BTC:

- Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên: 300.000 đồng/đề;

- Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá; đề môn chuyên thi vào trường chuyên: 500.000 đồng/đề theo phân môn;

3. Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm

- Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên: 650.000 đồng/ngày, áp dụng 43% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên (các môn chuyên), Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói): 700.000 đồng/ngày, áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

III. Mức tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm e khoản 9 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

1. Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi

- Chủ trì: 450.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Các thành viên: 300.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

2. Tiền công soạn thảo câu hỏi: Áp dụng 50% mức tối đa theo thông tư 69/2021/TT-BTC

- Tiền công soạn thảo câu hỏi thô: 35.000 đồng/câu;

- Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi: 30.000 đồng/câu;

- Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm: 25.000 đồng/câu;

- Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi: 18.000 đồng/câu;

- Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hoá: 8.000 đồng/câu, áp dụng 80% mức tối đa theo thông tư 69/2021/TT-BTC.

3. Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm

- Chủ trì: 450.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Các thành viên: 300.000 đồng/ngày, áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

IV. Mức tiền công chấm thi cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại khoản 10 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC (*Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài*

thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm).

Mức chi trước đây theo Quyết định 1413/QĐ-UBND, mức tiền công ngày được quy đổi đối với giám khảo chấm:

+ Tiền công mỗi giám khảo chấm bài thi tự luận thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh: 36 bài/ngày x 15.000 đồng/bài (QĐ 1413) = 540.000 đồng/người/ngày;

+ Tiền công mỗi giám khảo chấm bài thi tự luận thi học sinh giỏi: 12 bài/ngày x 50.000 đồng/bài (QĐ 1413) = 600.000 đồng/người/ngày;

+ Tiền công mỗi giám khảo chấm bài thi trắc nghiệm: 320.000 đồng/người/ngày (QĐ 1413);

Do vậy, dựa trên tình hình thực tế và mức chi trước đây, đơn vị soạn thảo xác định mức tiền công chấm thi theo ngày đối với giám khảo chấm thi như sau:

1. Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên (môn chung); Thi tốt nghiệp trung học phổ thông: 600.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 60% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

2. Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông (môn chuyên); Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá: áp dụng bằng 65% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

V. Mức tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

1. Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh

- Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 150.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 20% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

- Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết hoặc giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy): 500.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 50% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành: 150.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 20% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

2. Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia

- Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn: 300.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

- Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết hoặc giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy): 1.000.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 66% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành: 300.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

**A.2. Các nội dung chi áp dụng theo Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC**

VI. Chi cho công tác thanh tra thi

Nội dung này được quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC, mức chi áp dụng theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Tuy nhiên, đây là các nhiệm vụ được thực hiện tại các kỳ thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức và cũng có trong các kỳ thi do địa phương tổ chức. Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 4843/BTC-HCSN ngày 27/5/2022 về việc thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính và áp dụng khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC “*Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương*”. Các nội dung chi này cần được quy định để thực hiện tại địa phương như sau:

- Thanh tra ra đề thi, in sao đề thi, làm phách bài thi: 350.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

- Thanh tra coi thi:

+ Trưởng đoàn thanh tra: 400.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

+ Phó Trưởng đoàn thanh tra: 350.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

+ Đoàn viên thanh tra: 300.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

+ Thanh tra viên độc lập/Tổ trưởng: 350.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

- Thanh tra chấm thi, phúc khảo, thẩm định:

+ Trưởng đoàn thanh tra: 450.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

+ Phó Trưởng đoàn thanh tra: 400.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

+ Đoàn viên thanh tra: 350.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

+ Thanh tra viên độc lập/Tổ trưởng: 400.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

- Thanh tra xét tốt nghiệp THPT:

+ Trưởng đoàn thanh tra: 250.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 25% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

+ Phó Trưởng đoàn thanh tra: 230.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 23% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

+ Đoàn viên thanh tra: 200.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4;

+ Thanh tra viên độc lập: 230.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 23% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3.

- Mức chi cho các cuộc công tác thanh tra, kiểm tra khác trước, trong và sau khi thi: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

VII. Chi tiền công xét tốt nghiệp THPT, GDTX THPT; xét tuyển sinh đầu cấp lớp 10 THPT, lớp 10 GDTX THPT. Các nội dung chi này được vận dụng thực hiện tại địa phương như sau:

- Chủ tịch: 300.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Phó Chủ tịch: 270.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Ủy viên, thư ký: 200.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

#### VIII. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ

Nội dung này được quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC (áp dụng mức chi theo TT số 40/2017/TT-BTC). Đối với các đối tượng chưa được quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC được xây dựng như sau:

1. Tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác coi thi và chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly hoặc làm đêm. Các nội dung chi này được vận dụng thực hiện tại địa phương như sau:

- Chi tiền ăn cho công an trực đêm, thành viên coi thi trực đêm, chấm thi ban đêm: 150.000 đồng/ngày, áp dụng mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC);

- Chi tiền ăn cho thành viên tham gia công tác chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly: 225.000 đồng/ngày, áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC);

- Chi tiền giải khát giữa giờ: 30.000 đồng/buổi (trong điều kiện tập trung cách ly), 20.000 đồng/buổi (làm đêm), áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC).

2. Chi tiền giải khát giữa giờ cho giáo viên các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi: 10.000 đồng/người/buổi, áp dụng 50% mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC).

3. Tiền giải khát cho các thành viên Hội đồng/Ban (xét tốt nghiệp THPT, xét tốt nghiệp GDTX THPT, xét tuyển sinh đầu cấp lớp 10 THPT, xét tuyển sinh lớp 10 GDTX THPT): 100.000 đồng/người/buổi, áp dụng 50% mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC).

IX. Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm) tuyển sinh đầu cấp: 300.000 đồng/ngày, áp dụng 100% mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

X. Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi: Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

XI. Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban: được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định)

XII. Trên cơ sở mức chi tham khảo tại một số tỉnh khác, đơn vị soạn thảo xây dựng mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi do cấp huyện chủ trì thực hiện: Áp dụng tương ứng bằng 70% mức chi nêu trên (trừ tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh).

XIII. Mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi do các cơ sở giáo dục chủ trì thực hiện: theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi nêu trên. Việc quy định này bảo đảm các đơn vị sự nghiệp tự chủ, tự cân đối nguồn lực đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**B. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC.**

Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tỉnh Quảng Bình quy định như sau:

1. Đối với thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi

Các nội dung, mức chi: thực hiện theo quy định tại Mục A. **Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình** ở trên. Riêng đối với Tiền công ra đề thi và tiền công chấm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi thực hiện như sau:

a. Tiền công ra đề thi

- Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi: 700.000 đồng/ngày, áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1.

- Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi: 750.000 đồng/ngày, áp dụng 37% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1;

b. Tiền công chấm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi

(Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm): 700.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 46% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2.

2. Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông, thi nghề phổ thông, kiểm tra cuối kỳ, đánh giá chất lượng, kỳ thi cấp chứng chỉ

- Do cấp tỉnh chủ trì thực hiện: Áp dụng tương ứng bằng 70% mức chi tuyển sinh đầu cấp quy định tại Mục A. **Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.** Riêng tiền công ra đề thi Kiểm tra cuối kỳ, thi thử tốt nghiệp THPT, thi nghề phổ thông, đánh giá chất lượng, kỳ thi cấp chứng chỉ, các cuộc thi và hội thi khác: 350.000 đồng/ngày, áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

- Do cấp huyện chủ trì thực hiện áp dụng tương ứng bằng 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện;

- Do các cơ sở giáo dục chủ trì thực hiện: theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện.

3. Nội dung chi, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình (Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Hội thi giáo viên làm cán bộ đoàn, tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi và các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác) như sau:

a. Do cấp tỉnh chủ trì tổ chức thực hiện:

- Tiền công cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

Các nội dung chi này được vận dụng thực hiện tại địa phương như sau:

- Trưởng ban: 420.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 28% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Phó Trưởng ban: 380.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 25% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2;

- Ủy viên, Thư ký: 300.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3;

- Bảo vệ, phục vụ: 180.000 đồng/ngày, áp dụng bằng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4.

- Tiền giải khát cho Ban tổ chức, Ban giám khảo: 20.000 đồng/người/ngày, áp dụng 50% mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC (TT số 40/2017/TT-BTC).

b. Do cấp huyện chủ trì tổ chức thực hiện: áp dụng tương ứng bằng 70% mức chi do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện.

c. Do các cơ sở giáo dục chủ trì tổ chức thực hiện: theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện.

4. Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi, Ban Làm phách/Tổ làm phách (cách ly triệt để): Áp dụng mức tối đa theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC, như sau:

- Tiền ăn: 150.000 đồng/người/ngày;
- Tiền giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/người/buổi.

5. Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm): 300.000 đồng/người/đợt thi, áp dụng mức tối đa theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC.

6. Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi: Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

7. Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định)

**C. Mức chi tiền công quy định trên được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi (bao gồm những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, ngày nghỉ làm việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.**

Trên đây là thuyết minh nội dung và mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình./.



**NỘI DUNG, MỨC CHI ĐÉ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

(kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia)

(Tài liệu gửi kèm theo tờ trình số 157/TT-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh)

BVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tới đa	TT.LT66 hoặc mức chi tới đa	UBND	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi để xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC	So với mức chi cũ (QĐ UBND tỉnh) (lần)
1	Chi tiền công cho các chức danh								
1.1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi								
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	350	320	2,000	600	30.0	1.88	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	280	250	1,500	500	33.3	2.00	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	230	230	1,000	420	42.0	1.83	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	210	180	750	350	46.7	1.94	Áp dụng 37% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	115	110	750	250	33.3	2.27	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	80	80	750	180	24.0	2.25	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
1.2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi								
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	300	270	2,000	550	27.5	2.04	Áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	260	230	1,500	480	32.0	2.09	Áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	210	200	1,000	420	42.0	2.10	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	210	180	750	350	46.7	1.94	Áp dụng 37% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	115	110	750	250	33.3	2.27	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	80	80	750	180	24.0	2.25	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
1.3	Thành viên Ban Chỉ đạo thi								
a	Trưởng ban	Người/ngày	150	150	2,000	600	30.0	4.00	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	150	150	2,000	550	27.5	3.67	Áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
c	Phó Trưởng ban	Người/ngày	120	120	1,500	500	33.3	4.17	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
d	Ủy viên (thực hiện chỉ đạo thi theo lĩnh vực phụ trách), Thư ký	Người/ngày	110	110	1,000	420	42.0	3.82	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
e	Ủy viên (Tổ trưởng/Tổ phó giúp việc Ban Chỉ đạo)	Người/ngày	100	100	1,000	300	30.0	3.00	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
f	Ủy viên (Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo)	Người/ngày	90	90	750	180	24.0	2.00	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tối đa TTLT66	Mức chi QĐ 1413/2012/QĐ UBND	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi đề xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
g	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	x	90	-	180	24.0	2.00	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 5
<b>1.4</b>	<b>Hội đồng thi</b>								
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	x	270	2,000	600	30.0	2.22	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	x	250	1,500	500	33.3	2.00	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
c	Ủy viên	Người/ngày	x	200	1,000	420	42.0	2.10	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
<b>1.5</b>	<b>Thành viên các Ban coi thi, Ban Thư ký Hội đồng thi, Ban Vận chuyển đề thi, Hội đồng/Ban chấm thi (Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi)</b>								
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	300	270	2,000	550	27.5	2.04	Áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	275	250	2,000	520	26.0	2.08	Áp dụng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	250	230	1,500	480	32.0	2.09	Áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
d	Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, tổ trưởng	Người/ngày	210	200	1,000	420	42.0	2.10	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
e	Công an bảo vệ	Người/ngày	115	100	750	250	33.3	2.50	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	115	80	750	180	24.0	2.25	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
<b>1.6</b>	<b>Thành viên Ban/Tổ làm phách</b>								
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	x	270	2,000	550	27.5	2.04	Áp dụng 27% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	x	230	1,500	480	32.0	2.09	Áp dụng 32% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	x	200	1,000	420	42.0	2.10	Áp dụng 42% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	x	180	750	350	46.7	1.94	Áp dụng 37% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	x	110	750	250	33.3	2.27	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	x	80	750	180	24.0	2.25	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
<b>1.7</b>	<b>Thành viên Hội đồng coi thi (Điểm thi)</b>								
a	Chủ tịch Hội đồng (Trưởng điểm thi)	Người/ngày	265	230	1,500	420	28.0	1.83	Áp dụng 28% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng	Người/ngày	x	225	1,500	400	26.7	1.78	Áp dụng 26% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
c	Phó chủ tịch Hội đồng (Phó trưởng điểm thi)	Người/ngày	250	220	1,000	380	38.0	1.73	Áp dụng 38% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
d	Thư ký	Người/ngày	210	200	1,000	350	35.0	1.75	Áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
e	Ủy viên (giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát)	Người/ngày	210	190	1,000	320	32.0	1.68	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tối đa TTLT66	Mức chi QĐ 1413/2012/QĐ UBND	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi đề xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
f	Công an bảo vệ (24 giờ/ngày)	Người/ngày	100	100	750	250	33.3	2.50	Áp dụng 33% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
g	Ủy viên (bảo vệ, phục vụ)	Người/ngày	x	80	750	180	24.0	2.25	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
<b>2</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>								
<b>2.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>								
a	Chủ trì	Người/ngày	x	x	1,500	450	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
b	Các thành viên	Người/ngày	x	x	1,000	300	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
<b>2.2</b>	<b>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</b>								
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên	Đồng/đề	460	x	600	300	50.0		Áp dụng mức tối đa theo TT 69
b	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá; môn chuyên thi vào trường chuyên	Đồng/đề theo phân môn	815	x	1000	500	50.0		Áp dụng mức tối đa theo TT 69
<b>2.3</b>	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm</b>								
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên	Người/ngày	350	320	1,500	650	43.3	2.03	Áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
b	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên (các môn chuyên)	Người/ngày	350	320	2,000	700	35.0	2.19	Áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
c	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	350	320	2,000	700	35.0	2.19	Áp dụng 35% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
<b>3</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi)</b>								
<b>3.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>								
a	Chủ trì	Người/ngày	230	x	1,500	450	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
b	Thành viên	Người/ngày	230	x	1,000	300	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
<b>3.2</b>	<b>Tiền công soạn thảo câu hỏi</b>								
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	10-92	x	70	35	50.0		Áp dụng 50% mức tối đa theo TT 69
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	10-80	x	60	30	50.0		Áp dụng 50% mức tối đa theo TT 69
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	x	x	50	25	50.0		Áp dụng 50% mức tối đa theo TT 69
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	x	x	35	18	50.0		Áp dụng 50% mức tối đa theo TT 69

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tối đa TTLT66	Mức chi QĐ 1413/2012/QĐ UBND	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi đề xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	x	x	10	8	80.0		Áp dụng 80% mức tối đa theo TT 69
3.3	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>								
a	Chủ trì	Người/ngày	350	x	1,500	450	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
b	Thành viên	Người/ngày	350	x	1,000	300	30.0		Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
4	<b>Tiền công chấm thi (Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm)</b>								
4.1	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên (môn chung); Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	x	540	1,000	600	60.0	1.11	Mức cũ: 36 bài x 15.000 đồng/GK/ngày = 540.000 Áp dụng 60% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
4.2	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông (môn chuyên); Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá	Người/ngày	600	600	1,000	650	65.0	1.08	Mức cũ: Quy đổi theo QĐ 1413, 12 bài/ngày x 50.000 đồng/bài = 600.000 đồng/ngày Áp dụng 65% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
5	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi</b>								
5.1	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh</b>								
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	x	x	750	150	20.0		Áp dụng 26,7% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	x	x	1,000	500	50.0		Áp dụng 60% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	x	x	1,000	500	50.0		Áp dụng 60% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	x	x	750	150	20.0		Áp dụng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
5.2	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</b>								
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	x	x	1,000	300	30.0		Áp dụng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	x	500	1,500	1,000	66.7	2.00	Áp dụng 80% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tới đa TTL.T66	Mức chi UBND 2012/QĐ 1413/ hoặc mức chi theo TT69	Khung hoặc mức chi xuất	So sánh với TT 69/2021/ TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	x	500	1,500	1,000	66.7	2.00
d	Tiền công trợ lý thi nghiệm, thực hành	Người/ngày	x	115	1,000	300	30.0	2.61
6	Chi cho công tác thanh tra thi							
6.1	Thanh tra ra đề thi/In sao đề thi/Làm phách bài thi		280	250	1,000	350	42.0	1.68
a	Thanh tra ra đề	Người/ngày	280	250	1,000	350	35.0	1.40
b	Thanh tra in sao đề	Người/ngày	260	230	1,000	350	35.0	1.52
c	Thanh tra làm phách	Người/ngày	x	230	1,000	350	35.0	1.52
6.2	Thanh tra coi thi							
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	265	230	1,500	400	26.7	1.74
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	250	220	1,000	350	35.0	1.59
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	210	200	750	300	40.0	1.50
d	Thanh tra viên độc lập/ Tô tương	Người/ngày	250	220	1,000	350	35.0	1.59
6.3	Thanh tra chấm thi/phức khảo/ham định							
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	300	270	1,500	450	30.0	1.67
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	230	230	1,000	400	40.0	1.74
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	210	200	1,000	350	35.0	1.75
d	Thanh tra viên độc lập/ Tô tương	Người/ngày	250	230	1,000	400	40.0	1.74
6.4	Thanh tra xét lời nghiệp THPT							
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	160	160	1,000	250	25.0	1.56
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	140	140	1,000	230	23.0	1.64
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	120	120	750	200	26.7	1.67
d	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	140	140	1,000	230	23.0	1.64
7	Chi tiền công xét tốt nghiệp trung học phổ thông, tuyển sinh đầu cấp lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 giáo dục thường xuyên trung học phổ thông							
7.1	Chủ tịch	Người/ngày	160	1,000	300	30.0	1.88	Ap dụng 30% mức lương theo ngày của CCTV Múc 3
7.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	140	1,000	270	27.0	1.93	Ap dụng 27% mức lương theo ngày của CCTV Múc 3
7.3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	120	750	200	26.7	1.67	Ap dụng 27% mức lương theo ngày của CCTV Múc 4

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tối đa TTTLT66	Mức chi QĐ 1413/2012/QĐ UBND	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi đề xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
8	<b>Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác coi thi, chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly hoặc làm đêm</b>								
8.1	Chi tiền ăn cho công an trực đêm, thành viên coi thi trực đêm, chấm thi ban đêm	Người/ngày		150	150	150	100.0	1.00	Áp dụng mức tối đa theo Thông tư 40/2017/TT-BTC
8.2	Chi tiền ăn cho thành viên tham gia công tác chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly	Người/ngày			225	225	100.0		Áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC)
8.3	Chi tiền giải khát giữa giờ (trong điều kiện tập trung cách ly)	Người/buổi			30	30	100.0		Áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC)
8.4	Chi tiền giải khát giữa giờ (làm đêm)	Người/buổi			20	20	100.0		Áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC)
9	<b>Chi tiền giải khát giữa giờ cho giáo viên các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia</b>	Người/ngày			-	20			Áp dụng 50% mức tối đa theo Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC)
10	<b>Tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban (xét tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tốt nghiệp giáo dục thường xuyên trung học phổ thông, xét tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông, xét tuyển sinh lớp 10 giáo dục thường xuyên trung học phổ thông)</b>	Người/ngày			40	20	50.0		Áp dụng 50% mức tối đa theo Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC)
11	<b>Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm) tuyển sinh đầu cấp</b>	Người/đợt			300	300	100.0		Áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC) đối với thi tốt nghiệp, thi chọn học sinh giỏi
12	<b>Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi</b>	Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)							

**Ghi chú: Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định).**

**NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỎ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO  
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình số 1593 TTr-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh)*

**ĐVT: 1.000 đồng**

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung hoặc mức chi tối đa TTLT66	Mức chi QĐ1413 /2012	Khung hoặc mức chi theo TT69	Mức chi đề xuất	So sánh với TT 69/2021/TT-BTC (%)	So với mức chi cũ (QĐ 1413 của UBND tỉnh) (lần)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>								
1.1	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	1.05	x	1,500	700	46.67		Áp dụng mức tối đa theo TT 69
1.2	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm Thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	630	x	2,000	750	37.50		Áp dụng 40% mức lương theo ngày của CGTV Mức 1
2	<b>Tiền công chấm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi (Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm)</b>		<b>910</b>	<b>700</b>	<b>1,500</b>	<b>700</b>	<b>46.67</b>	<b>2.14</b>	Áp dụng 53% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
<b>3</b>	<b>Tiền công cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các kỳ thi, cuộc thi, hội thi <sup>(2)</sup></b>								
3.1	Trưởng ban	Người/ngày	x	270	1,500	420	28.00	5.56	Áp dụng 28% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
3.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	x	230	1,500	380	25.33	6.52	Áp dụng 25% mức lương theo ngày của CGTV Mức 2
3.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	x	190	1,000	300	30.00	5.26	Áp dụng 30% mức lương theo ngày của CGTV Mức 3
3.4	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	x	80	750	180	24.00	9.38	Áp dụng 24% mức lương theo ngày của CGTV Mức 4
<b>4</b>	<b>Tiền giải khát cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các kỳ thi, cuộc thi, hội thi <sup>(2)</sup></b>	Người/buổi				20			

5	Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm)	Người/đợt	300	300	100	Áp dụng bằng mức quy định tại Thông tư 69 (TT 40/2017/TT-BTC) đối với thi tốt nghiệp, thi chọn học sinh giỏi
6	Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi	Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)				

**Ghi chú:**

- (1) Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định).
- (2) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác gồm: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Hội thi giáo viên làm cán bộ đoàn, tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi.

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH  
KHOÁ XVIII KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;*

*Xét Tờ trình số 1206/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi thực hiện các nhiệm vụ thi của các kỳ thi tại tỉnh Quảng Bình: tuyển sinh đầu cấp; tốt nghiệp trung học phổ thông; chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hoá; chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

b) Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại tỉnh Quảng Bình.

c) Các nội dung, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông và các quy định hiện hành.

## 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và cấp huyện, các cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 2. Quy định nội dung, mức chi**

1. Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi của các kỳ thi tại điểm a Khoản 1 Điều 1.

a) Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi do cấp huyện chủ trì thực hiện bằng 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện; riêng tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

c) Nội dung, mức chi để thực hiện các nhiệm vụ thi do các cơ sở giáo dục chủ trì thực hiện: theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá mức tiền công quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi tại điểm b Khoản 1 Điều 1.

a) Nội dung chi, mức chi để tổ chức kỳ thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này; riêng tiền công ra đề thi, tiền công chấm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này. Đối với cấp huyện bằng 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện; đối với các cơ sở giáo dục thực hiện theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện.

b) Nội dung chi, mức chi để tổ chức thi thử tốt nghiệp trung học phổ thông, thi nghề phổ thông, kiểm tra cuối kỳ, đánh giá chất lượng, kỳ thi cấp chứng chỉ do cấp tỉnh chủ trì thực hiện bằng 70% nội dung, mức chi để tổ chức kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; đối với cấp huyện bằng 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện; đối với các cơ sở giáo dục thực hiện theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện.

c) Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác do cấp tỉnh chủ trì tổ chức được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị

quyết này; đối với cấp huyện chủ trì tổ chức bằng 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện; đối với các cơ sở giáo dục chủ trì tổ chức thực hiện theo dự toán được phê duyệt nhưng không vượt quá 70% mức chi do cấp tỉnh chủ trì thực hiện.

3. Mức chi tiền công quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian chính thức tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này (bao gồm những ngày nghỉ lễ, nghỉ tết, ngày nghỉ làm việc hưởng nguyên lương theo quy định của Bộ luật Lao động). Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức tiền công cao nhất.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí**

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hoá, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khoá XVIII, kỳ họp thứ ...thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Vụ pháp chế (Bộ GDĐT);
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo QB, Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**CHỦ TỊCH**



**PHỤ LỤC I: NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI  
TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

(kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hoá, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia)

(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình)

**ĐVT: 1.000 đồng**

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Các nội dung chi áp dụng theo Khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC</b>			
<b>1</b>	<b>Chi tiền công cho các chức danh</b>			
<b>1.1</b>	<b>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</b>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	600	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	500	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	420	
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	350	
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	250	
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	180	
<b>1.2</b>	<b>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</b>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	420	
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	350	
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	250	
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	180	
<b>1.3</b>	<b>Thành viên Ban Chỉ đạo thi</b>			
a	Trưởng ban	Người/ngày	600	
b	Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	550	
c	Phó Trưởng ban	Người/ngày	500	
d	Ủy viên (thực hiện chỉ đạo thi theo lĩnh vực phụ trách), Thư ký	Người/ngày	420	
e	Ủy viên (Tổ trưởng/Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo)	Người/ngày	300	
f	Ủy viên (Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo)	Người/ngày	180	
g	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	180	
<b>1.4</b>	<b>Hội đồng thi</b>			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	600	
b	Phó Chủ tịch	Người/ngày	500	
c	Ủy viên	Người/ngày	420	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1.5	<b>Thành viên các Ban coi thi, Ban Thư ký Hội đồng thi, Ban Vận chuyển đề thi, Hội đồng/Ban chấm thi (Hội đồng/Ban Chấm thi tự luận; Hội đồng/Ban Chấm thi trắc nghiệm; Hội đồng/Ban phúc khảo tự luận; Hội đồng/Ban phúc khảo trắc nghiệm; Hội đồng/Ban Chấm thẩm định bài thi)</b>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng ban	Người/ngày	550	
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng/Phó Trưởng ban Thường trực	Người/ngày	520	
c	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng ban	Người/ngày	480	
d	Thư ký, ủy viên, kỹ thuật viên, tổ trưởng	Người/ngày	420	
e	Công an bảo vệ	Người/ngày	250	
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	180	
1.6	<b>Thành viên Ban/Tổ làm phách</b>			
a	Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550	
b	Phó Trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	480	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	420	
d	Công an, bảo vệ làm việc cách ly (24 giờ/ngày)	Người/ngày	350	
e	Công an, bảo vệ vòng ngoài (24 giờ/ngày)	Người/ngày	250	
f	Phục vụ (gồm cả nhân viên y tế)	Người/ngày	180	
1.7	<b>Thành viên Hội đồng coi thi/Điểm thi</b>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Điểm thi	Người/ngày	420	
b	Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng	Người/ngày	400	
c	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng điểm thi	Người/ngày	380	
d	Thư ký	Người/ngày	350	
e	Ủy viên (giám thi/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát)	Người/ngày	320	
f	Công an bảo vệ (24 giờ/ngày)	Người/ngày	250	
g	Ủy viên (bảo vệ, phục vụ)	Người/ngày	180	
2	<b>Tiền công ra đề thi</b>			
2.1	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>			
a	Chủ trì	Người/ngày	450	
b	Các thành viên	Người/ngày	300	
2.2	<b>Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận</b>			
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên	Đồng/đề	300	
b	Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá; môn chuyên thi vào trường chuyên	Đồng/đề theo phân môn	500	
2.3	<b>Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị có kèm đáp án, biểu điểm</b>			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên	Người/ngày	650	
b	Thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên (các môn chuyên); Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa (Đề tự luận, đề trắc nghiệm, đề thực hành, đề thi nói)	Người/ngày	700	
<b>3</b>	<b>Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi chọn học sinh giỏi)</b>			
<b>3.1</b>	<b>Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi</b>			
a	Chủ trì	Người/ngày	450	
b	Thành viên	Người/ngày	300	
<b>3.2</b>	<b>Tiền công soạn thảo câu hỏi</b>			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25	
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	18	
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	8	
<b>3.3</b>	<b>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm</b>			
a	Chủ trì	Người/ngày	450	
b	Thành viên	Người/ngày	300	
<b>4</b>	<b>Tiền công chấm thi (Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm)</b>			
<b>4.1</b>	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông, giáo dục thường xuyên (môn chung); Thi tốt nghiệp trung học phổ thông	Người/ngày	600	
<b>4.2</b>	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông (môn chuyên); Thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá	Người/ngày	650	
<b>5</b>	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi</b>			
<b>5.1</b>	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh</b>			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	150	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	500	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	500	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	150	
<b>5.2</b>	<b>Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</b>			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	300	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1,000	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành (1/2 ngày biên soạn, 1/2 ngày giảng dạy)	Người/ngày	1,000	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Người/ngày	300	
<b>II</b>	<b>Các nội dung chi áp dụng theo Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC</b>			
<b>6</b>	<b>Chi cho công tác thanh tra thi</b>			
<b>6.1</b>	<b><i>Thanh tra ra đề thi/In sao đề thi/Làm phách bài thi</i></b>	Người/ngày	350	
<b>6.2</b>	<b><i>Thanh tra coi thi</i></b>			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	400	
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	350	
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	300	
d	Thanh tra viên độc lập/ Tổ trưởng	Người/ngày	350	
<b>6.3</b>	<b><i>Thanh tra chấm thi/phúc khảo/thâm định</i></b>			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	450	
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	400	
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	350	
d	Thanh tra viên độc lập/ Tổ trưởng	Người/ngày	400	
<b>6.4</b>	<b><i>Thanh tra xét tốt nghiệp THPT</i></b>			
a	Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	250	
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra	Người/ngày	230	
c	Đoàn viên thanh tra	Người/ngày	200	
d	Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	230	
<b>7</b>	<b>Chi tiền công xét tốt nghiệp trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên trung học phổ thông; xét tuyển sinh đầu cấp lớp 10 trung học phổ thông, lớp 10 giáo dục thường xuyên trung học phổ thông</b>			
7.1	Chủ tịch	Người/ngày	300	
7.2	Phó Chủ tịch	Người/ngày	270	
7.3	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	200	
<b>8</b>	<b>Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác coi thi, chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly hoặc làm đêm</b>			
8.1	Chi tiền ăn cho công an trực đêm, thành viên coi thi trực đêm, chấm thi ban đêm	Người/ngày	150	
8.2	Chi tiền ăn cho thành viên tham gia công tác chấm thi trong điều kiện tập trung cách ly	Người/ngày	225	
8.3	Chi tiền giải khát giữa giờ (trong điều kiện tập trung cách ly)	Người/buổi	30	
8.4	Chi tiền giải khát giữa giờ (làm đêm)	Người/buổi	20	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
9	Chi tiền giải khát giữa giờ cho giáo viên các đội tuyển trong quá trình tập huấn để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Người/buổi	10	
10	Tiền giải khát giữa giờ cho các thành viên Hội đồng/Ban (xét tốt nghiệp trung học phổ thông, xét tốt nghiệp giáo dục thường xuyên trung học phổ thông, xét tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông, xét tuyển sinh lớp 10 giáo dục thường xuyên trung học phổ thông)	Người/buổi	10	
11	Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm) tuyển sinh đầu cấp	Người/đợt	300	
12	Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi	Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)		

Ghi chú: Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định).

**PHỤ LỤC II: NỘI DUNG, MỨC CHI ĐỀ TỔ CHỨC CÁC KỲ THI, CUỘC THI, HỘI THI KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số: /2022/NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình)*

**ĐVT: 1.000 đồng**

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tiền công ra đề thi</b>			
1.1	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Đồng/đề theo phân môn	700	
1.2	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị kèm đáp án, biểu điểm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	750	
2	<b>Tiền công chấm thi chọn đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia</b> (Chấm bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm phúc khảo bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm; Chấm thẩm định bài thi tự luận, bài thi nói và bài thi thực hành, bài thi tin học, bài thi trắc nghiệm)	Người/ngày	700	
<b>3</b>	<b>Tiền công cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các kỳ thi, cuộc thi, hội thi <sup>(2)</sup></b>			
3.1	Trưởng ban	Người/ngày	420	
3.2	Phó Trưởng ban	Người/ngày	380	
3.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	300	
3.4	Bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	180	
4	<b>Tiền giải khát giữa giờ cho Ban tổ chức, Ban giám khảo các kỳ thi, cuộc thi, hội thi <sup>(2)</sup></b>	Người/buổi	20	
5	<b>Tiền công (ngoài tiền công chấm thi) cho tổ trưởng, tổ phó các tổ chấm thi (bao gồm các tổ trong Ban/Hội đồng chấm thi trắc nghiệm)</b>	Người/đợt	300	
6	<b>Các khoản chi khác để chuẩn bị, tổ chức thi</b>	Thực hiện theo quy định hiện hành (theo thực tế trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt)		

**Ghi chú:**

(1) Tiền công làm thêm giờ vào ban đêm cho các thành viên Hội đồng/Ban được tính bằng 1,5 lần mức tiền công làm ban ngày (trừ các nhiệm vụ trực đêm theo quy định).

(2) Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác gồm: Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; Hội thi về công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm; Hội thi về làm và sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu số/thiết kế video; Cuộc thi thiết kế bài giảng điện tử; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật; Cuộc thi học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp; Hội thi các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Hội thi giáo viên làm cán bộ đoàn, tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi.